

## BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

**Nhiệm vụ:** Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

**Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

**Thời gian:** Đợt 1 (tháng 1/2018)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Công Như Trác	Trời nắng, to = 24oC, độ ẩm 57%, gió ĐN 8 km/h. Công mở, đang lấy nước vào, dòng chảy vừa. Hai bên bờ kênh sạch.	Nước màu vàng lục.	8.15	32.2	7.02	0.1	0	0.225	165	<p style="color: green;">Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p style="color: green;">Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
2	2	Công Hữu Bị	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 57%, gió ĐN 8 km/h. Công mở, đang lấy nước vào, dòng chảy vừa. Hai bên bờ kênh sạch.	Nước màu vàng lục.	8.14	33.4	7.17	0.1	0	0.191	171	<p style="color: green;">Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	3	Cống Cốc Thành	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 62%, gió Đông 13 km/h. Cổng đóng. Ngoài sông có xà lan đi lại. Nước đang được bơm từ kênh tiêu vào cống.	Nước màu vàng nâu.	7.75	41	7.05	0.2	0.023	0.371	283	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	4	Cống sông Chanh	Trời nắng, t° = 25°C, độ ẩm 60%, gió Đông 11 km/h. Cổng đóng, có dòng chảy tràn do mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Có 1 xà lan đậu trong cống.	Nước màu xanh lục.	8.01	47.5	7	0.1	0.264	0.191	169	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.  Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												sinh.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Trời nắng, t° = 21°C, độ ẩm 69%, gió Đông 3 km/h. Cổng mở, dòng chảy vừa. Cổng đang lấy nước vào. Ngoài sông có xà lan chở cát.	Nước màu nâu đỏ.	7.56	89.5	1.24	0.4	0.132	5.400	498	<p>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
6	6	Cống Kinh Thanh	Trời nắng, t° = 22°C, độ ẩm 67%, gió ĐĐN 3 km/h. Cổng mở thoáng, dòng chảy chậm. Cổng đang lấy nước vào. Có nhiều bèo tại cửa cống.	Nước màu nâu đỏ.	7.86	89.5	6.4	0.3	0.023	2.196	376	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
7	7	Cống Cổ Đam	Trời nắng, t° = 22°C, độ ẩm 65%, gió ĐĐN 3 km/h. Cổng mở, đang lấy nước vào, dòng chảy vừa. Trước cửa cống có xà lan chở cát.	Nước màu nâu đỏ.	7.92	109.2	6.89	0.3	0.008	2.588	385	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p><b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b></p>
8	8	Cống Vĩnh Trị	Trời nắng, t° = 27°C, độ ẩm 53%, gió NĐN 11 km/h. Cổng đóng. Hai bên bờ sông sạch.	Nước màu xanh lục.	7.99	63	7.01	0.1	0.047	0.446	178	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
9	9	Đầu kênh T3	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 61%, gió Đông 11 km/h. Dòng chảy chậm. Trên mặt	Nước màu xanh	7.74	25.1	6.75	0.3	0.008	0.792	415	Đủ điều kiện dùng cho tưới,

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			kênh có ít bèo.	lục.								<b>tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
10	10	Ngã 3 K.Biên Hòa – Kinh Thủy	Trời nắng, t° = 23°C, độ ẩm 59%, gió ĐĐN 5 km/h. Dòng chảy chậm, nước đang chảy vào kênh Biên Hòa. Hay bên bờ sông có bèo.	Nước màu vàng lục.	7.41	39.9	<b>3.36</b>	0.4	0.054	1.823	530	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
11	11	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Trời nhiều mây, t° = 19°C, độ ẩm 89%, gió Bắc 5 km/h. Dòng chảy rì.	Nước màu xanh lục.	7.97	25.1	<b>2.19</b>	0.2	0.155	0.513	309	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												<b>lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
12	12	Cầu đường 10 với sông Sắt	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 58%, gió ĐB 10 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy. Hai bên bờ sông có bèo.	Nước màu vàng xám.	7.73	50.7	6.39	0.2	0.155	0.623	270	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
13	13	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Trời lạnh, t° = 19°C, độ ẩm 90%, gió ĐB 3 km/h. Đập mở, dòng chảy trung bình. Thượng lưu đập nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	7.4	10.6	<b>2.95</b>	0.2	0.047	0.983	292	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	14	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Trời nắng, t° = 19°C, độ ẩm 83%, gió ĐĐB 5 km/h. Cổng mở, dòng chảy chậm. Trạm bơm hoạt động để lấy nước vào.	Nước màu xanh lục.	7.67	11.4	3.67	0.4	1.243	1.739	531	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	15	Ngã 3 K.Mỹ Đô – Kinh Thủy	Trời nắng, t° = 23°C, độ ẩm 59%, gió ĐĐN 5 km/h. Dòng chảy chậm. Nước đang lấy qua TB Cổ Đam vào kênh Kinh Thủy và Mỹ Đô.	Nước màu vàng lục.	7.36	37.6	3.93	0.3	0.047	1.337	399	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												<b>kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
16	16	Ngã 3 sông Tiên Hương – S31	Trời nắng, t° = 27°C, độ ẩm 51%, gió NĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm. Hai bên bờ sông có bèo.	Nước màu xanh lục.	7.6	15.9	8.49	0.2	0.008	0.641	347	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b> <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
17	17	Đập La Chợ	Trời nắng nhẹ, t° = 26°C, độ ẩm 53%, gió Nam 8 km/h. Dòng chảy chậm. Chân cầu có nhiều rác thải.	Nước màu vàng lục.	7.27	88.5	6.59	0.2	0.210	0.459	267	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b> <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy</b>



TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
												<b>sinh.</b>
18	18	Đập Biên Hòa	Trời nhiều mây, t° = 19°C, độ ẩm 89%, gió ĐB 5 km/h. Dòng chảy rì, nước đang về.	Nước màu xanh lục.	7.55	30.3	2.36	0.4	1.469	0.995	525	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
19	19	Đập Vườa (CG12)	Trời lạnh, t° = 19°C, độ ẩm 88%, gió ĐB 4 km/h. Đập đóng, không có dòng chảy.	Nước màu xanh lục.	7.6	59.7	4.92	0.3	0.148	0.383	317	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
20	20	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Trời lạnh, t° = 19°C, độ ẩm 90%, gió ĐB 4 km/h. Dòng chảy chậm. Trên sông có nhiều bèo.	Nước màu xanh đen.	7.78	12.3	1.5	0.2	0.124	0.392	264	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b> <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
21	21	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Trời nắng, t° = 23°C, độ ẩm 65%, gió ĐDB 6 km/h. Dòng chảy chậm. Hai bên bờ có nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	7.35	24.6	3.97	0.3	0.016	1.193	377	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b> <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
22	22	Đầu kênh T5	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 60%, gió ĐDB 11 km/h. Dòng chảy chậm. Trên mặt sông nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	7.82	35.6	6.9	0.2	0.008	0.929	351	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
23	23	Đầu kênh C19	Trời nắng, t° = 25°C, độ ẩm 60%, gió ĐDB 11 km/h. Dòng chảy chậm, kênh đang lấy nước vào.	Nước màu xanh lục, mùi tanh.	7.55	36.3	7.36	0.7	0.008	1.886	910	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
24	24	Đầu kênh T6	Trời nắng nhẹ, t° = 24°C, độ ẩm 61%, gió Đông 13 km/h. Dòng chảy vừa, mực nước	Nước màu vàng	7.64	15.9	8.6	0.2	0	0.594	349	Đủ điều kiện dùng cho tưới,

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
					6 – 8.5		6		0.3	2		
					6 – 8.5		5		0.3	5		
					5.5 – 9		4		0.9	10		
					5.5 – 9		2		0.9	15		
			đây, kênh đang lấy nước vào. Trên kênh không có rác thải.	lục.								<b>tiêu thủy lợi.</b> <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>

**Ghi chú:**

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.